

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH Q**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 192/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 17-8-2022

V/v “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Huỳnh Lý

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thông

2. Bà Trần Thị Kim Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Cẩm Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Q tham gia phiên tòa: ông Ngô Minh Thường- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 04 năm 2022 về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2022/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị TM, sinh năm 1985; địa chỉ: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lưu V, sinh năm 1984; địa chỉ: khối phố M, phường A, thành phố T, tỉnh Q. Xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, các buổi làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị TM trình bày: Bà và ông Lưu V tự nguyện tìm hiểu, xây dựng gia đình vào năm 2005, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Q. Trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà luôn xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn, ông V ngoại tình và nhiều lần đánh đập bà. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lưu V.

Về nuôi con chung: Bà và ông Lưu V có 02 con chung là Lưu N, sinh năm 2005 và Lưu Nguyễn Q, sinh năm 2010. Khi ly hôn, bà có nguyện vọng giao 02 con cho

ông Lưu V nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên và không cấp dưỡng về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị TM yêu cầu tự thoả thuận.

- **Tại bản tự khai, bị đơn ông Lưu V trình bày:** Ông và bà Nguyễn Thị TM sau thời gian tìm hiểu đã kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Q vào năm 2005. Sau khi kết hôn cuộc sống gia đình không hạnh phúc, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà Nguyễn Thị TM xin ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là Lưu N, sinh năm 2005 và Lưu Nguyễn Q, sinh năm 2010. Khi ly hôn, ông yêu cầu nuôi cả 02 con và không cần bà TM cấp dưỡng về nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn và bị đơn có bản tự khai và đơn xin được vắng mặt trong quá trình xét xử, thực hiện đúng quy định pháp luật Tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Nguyễn Thị TM yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn và tranh chấp nuôi con chung với ông Lưu V. Căn cứ quy định Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân thành phố T thụ lý giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị TM và ông Lưu V vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, Căn cứ vào Điều 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị TM và ông Lưu V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường A, thành phố T, tỉnh Q cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2005 nên hôn nhân của bà TM và ông V là hợp pháp.

Theo lời khai của bà TM thì trong thời gian chung sống giữa vợ chồng bà xảy ra nhiều bất đồng mâu thuẫn, dù đã cố gắng rất nhiều nhưng vẫn không thể hoà hợp. Nay bà TM cũng không còn tình cảm vợ chồng với ông V nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly

hôn với ông V. Quá trình giải quyết vụ án, ông V có trình bày tại bản tự khai rằng trong quá trình chung sống thì thường xuyên có mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn nên ông đồng ý yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị TM, ông đồng ý nuôi 02 người con chung và không yêu cầu bà TM cấp dưỡng. Từ các phân tích trên, xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà TM và ông V đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho bà TM được ly hôn với ông V là có căn cứ, phù hợp với thực tế.

[2.2] Về nuôi con chung: Vợ chồng bà TM và ông V có 02 con chung là Lưu N, sinh ngày 30/01/2005 và Lưu Nguyễn Q, sinh ngày 21/7/2010. Khi ly hôn, bà TM có nguyện vọng giao 02 con cho ông Lưu V nuôi dưỡng đến đủ tuổi thành niên và không cấp dưỡng về nuôi con chung. Ông V có lời khai gửi Tòa án đồng ý nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bà TM cấp dưỡng, nguyện vọng của hai cháu N và Q muốn được ở với ba để đảm bảo điều kiện ăn học. Xét thấy, để đảm bảo cho việc học tập và phát triển bình thường của các cháu, cần giao hai cháu N và Q cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 58, 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

Phân cấp dưỡng nuôi con chung ông V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà TM, ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị TM phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*” của nguyên đơn bà Nguyễn Thị TM với bị đơn ông Lưu V.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị TM và ông Lưu V.

- Về con chung: Giao 02 con chung là Lưu N, sinh ngày 30/01/2005 và Lưu Nguyễn Q, sinh ngày 21/7/2010 cho ông Lưu V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng và giáo dục cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*).

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản người đó thực hiện quyền này. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế việc thăm nom của người đó. Khi cần thiết các bên có quyền làm đơn xin thay đổi việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình bà Nguyễn Thị TM phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng bà TM đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009639, ngày 25 tháng 04 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Q.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Q;
- VKSND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- UBND phường A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đinh Thị Huỳnh Lý